

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2015



EVNPECC3

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3**
Năm báo cáo: **Năm 2014**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102
- Vốn điều lệ: 33.810.000.000^d (Ba mươi ba tỷ tám trăm mười triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 33.810.000.000^d (Ba mươi ba tỷ tám trăm mười triệu đồng)
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08. 39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu : TV3

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công Ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/2/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam , Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyên về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995
- Ngày 7/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/1/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.

Trải qua hơn 35 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.
- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp,
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp
- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác
- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông
- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.

- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
 - Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức – nhân sự; phòng Kế hoạch – kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
 - Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin.
 - Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, Trung tâm Nhiệt điện và Điện hạt nhân, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, Ban Tư vấn giám sát Đồng Nai 5; Ban Tư vấn giám sát Bản Chát, Ban Tư vấn giám sát thủy điện Xekaman.
 - Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
- + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế)

+ Chi nhánh miền Trung:

Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp – Tp. Nha Trang

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường giây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Văn phòng đại diện tại Hà nội

Địa chỉ: Phòng 233 khách sạn Bình Minh, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng.

5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

PECC3 sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng công trình năng lượng và công nghiệp uy tín, chuyên nghiệp tại Việt Nam và khu vực.

PECC3 cung cấp các giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tăng trưởng doanh thu hợp lý: bình quân đầu người tăng từ 15% đến 25% mỗi năm.
- Tăng trưởng lợi nhuận: tăng dần từ 7% lên 15%.
- Thực hiện được dịch vụ cho khách hàng đa dạng.
 - + Tỷ trọng dịch vụ cho khách hàng ngoài ngành năng lượng tăng dần lên 20%.
 - + Độ nhận biết của khách hàng về dịch vụ PECC3.
- Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.
- Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả.
 - + Phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng.
 - + Quản lý dự án.
 - + Quản lý tri thức & phát triển năng lực đội ngũ.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Nghiên cứu mở rộng thị trường tạo thêm nhiều việc làm và cải thiện đời sống cho người lao động.
- Tích cực tuyên truyền vận động cộng đồng và xã hội thực hiện chính sách tiết kiệm điện và ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo.

6. Các rủi ro:

- Các sản phẩm của Công ty hiện đang có sự cạnh tranh gay gắt bởi các công ty Tư vấn trong nước và quốc tế
- Tình hình kinh tế trong nước và quốc tế đang gặp khó khăn, các dự án xây dựng cơ bản chưa được đáp ứng một cách đầy đủ về nguồn vốn.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2014, công ty gặp rất nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh:

- Các dự án lớn không huy động được nguồn vốn thực hiện dẫn đến chậm trễ trong việc triển khai và tư vấn phải chờ việc.
- Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành điện hầu như chững lại.
- Từ khó khăn về công việc nêu trên đã dẫn đến tình hình cạnh tranh gay gắt và việc tìm kiếm hợp đồng đã trở nên vô cùng khó khăn.

a- Kế hoạch 2014

- Giá trị doanh thu kế hoạch năm 2014: 185.703 triệu đồng
 - + Trong đó: Khảo sát: 39.234 triệu đồng
 - QH&ĐAĐT&Thiết kế&GSTC: 146.469 triệu đồng
 - Doanh thu khác/Thu nhập tài chính: 0 triệu đồng
- b- Về doanh thu đạt được trong năm 2014:

- Giá trị doanh thu thực hiện năm 2014: 215.583 triệu đồng
 - Trong đó: Khảo sát: 60.450 triệu đồng
 - QH&ĐAĐT&Thiết kế&GSTC: 153.056 triệu đồng
 - Thu nhập tài chính & thu nhập khác: 2.077 triệu đồng
- Doanh thu đạt 116,09 % kế hoạch 2014

Kết quả sản xuất kinh doanh như sau:

Lợi nhuận sau thuế đạt: 12.770 triệu đồng.

c- Các chỉ tiêu tài chính:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2014	Thực hiện 2014	So sánh TH/KH
1	Vốn điều lệ	33.810	33.810	100%
2	Tổng doanh thu	185.703	215.583	116,09%
3	Lợi nhuận trước thuế	16.000	16.384	102,40%
4	Lợi nhuận sau thuế	12.480	12.770	102,33%
5	Cổ tức	15%		

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, Sài Gòn;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 26 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;
Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;
Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

b) Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;
Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;
Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.
Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;
Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.
Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội
Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 31 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;
Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;
Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

c) Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;
Nơi sinh: Quảng Trị
Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy
Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1984: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng thủy lợi – thủy điện tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng
Năm 1998: Tốt nghiệp Thạc sỹ Thủy công tại Đại học Thủy lợi (cơ sở 1)
Năm 2008: Tốt nghiệp tiến sỹ Công trình thủy tại Đại học Thủy lợi (cơ sở 1)
Nhiều năm: Các lớp đào tạo Giám đốc điều hành; chủ nhiệm đồ án thiết kế; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện.

Quá trình công tác: 30 năm công tác trong đó 05 năm trong ngành điện

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc – Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm , Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đắk Lắk;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá bàn tỉnh Khánh Hòa

d) Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Quá trình công tác: 23 năm công tác trong ngành điện.

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: Trưởng Phòng Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó Trưởng phòng Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

e) Ông Phạm Hoàng Vinh: Trưởng phòng Tài chính –Kế toán

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: Tp. HCM

Học vị: Cao đẳng kinh tế.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Quá trình công tác: 19 năm công tác trong ngành điện.

Từ 01/12/2007 đến nay: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;
 Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
- + Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2014 là: 508 người;
- + Các chế độ, chính sách đối với người lao động hiện đang áp dụng như đối với Công ty Nhà nước;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty đang tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần EVN Quốc tế và Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình với số vốn góp đến thời điểm 31/12/2014 lần lượt là 3,15 tỷ đồng và 4,2 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty còn mua 43.600 cổ phiếu của CHP (Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam) với giá trị là 220,79 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	197.507	227.466	115.17%
Doanh thu thuần	178.105	213.506	119.88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.376	16.645	124.44%
Lợi nhuận khác	1.912	(261)	(13.65%)
Lợi nhuận trước thuế	15.288	16.384	107.17%
Lợi nhuận sau thuế	10.940	12.770	116.73%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn : TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,29	1,25	
+ Hệ số thanh toán nhanh : (TSLĐ - HTK)/Nợ ngắn hạn	1,13	1,05	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,68	

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,93	2,08	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho :	6,37	6,24	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
+ Hàng tồn kho bình quân	21.537	14.790	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,90	0,94	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,14%	5,98%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,22%	17,28%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,54%	5,61%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,51%	7,80%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 3.381.000 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài:	20.21%
- Tôn Thất Hùng:	14.28%
- Phạm Văn Thuận:	14.28%

b) Cơ cấu cổ đông:

Vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông:

- Vốn điều lệ công ty:	33.810,00 triệu đồng
- Trong đó vốn nhà nước (EVN):	16.491,57 triệu đồng
- Vốn của Tổng Công ty điện lực TP. HCM:	4.221,39 triệu đồng
- Vốn của các cổ đông khác:	13.097,04 triệu đồng

Cổ đông thành viên góp vốn nước ngoài

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 172/2015-TV3/VSD-ĐK ngày 13 tháng 3 năm 2015 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
IshizukaYosuke	IS0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi-Hocho 6-31-2-103	Japan	115
Nomura International PLC	CA 1049	Nomura house, 1 St Martin's -le -Grand, London EC1A 4NP	United, Kinhgdom	1200
Yamazaky Atsushi	ISO469	165 Ongi, Yotsukaido-si, Chiba- Ken, Japan	Japan	100
America LLC	CA5883	PO Box CR -56766 Suite NAS485, Nassau Bahamas	St Kitts and Nevis	39.100
Maybank Kim Eng Securities	CS2385	50 Noth Canal Road, 306-00 Singapore 059304	Singapore	11.200

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2014 không có sự thay đổi của vốn đầu tư của chủ sở hữu
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện nay số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là 14 cổ phiếu và trong năm 2014 không có giao dịch cổ phiếu quỹ được thực hiện.
- e) Các chứng khoán khác: trong năm 2014 Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không phát hành thêm chứng khoán.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trong năm 2014, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trong tình hình kinh tế trong nước bắt đầu có dấu hiệu khởi sắc. Các dự án lớn đã huy động được nguồn vốn để triển khai. Đặc biệt là các dự án cấp bách được triển khai để cấp điện cho miền Nam những năm 2017 – 2020 theo cơ chế đặc thù 2414 (QĐ 2414/QĐ-TTg ngày 11/12/2013) của Thủ tướng Chính phủ.
- Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành triển khai chậm, nhưng các dự án của EVN thì triển khai cấp bách, đã khởi công nhiều dự án để đảm bảo nhiệm vụ cung ứng đủ năng lượng điện cho Miền Nam.
- Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, Công ty đã cố gắng nỗ lực hoàn thành vượt mức kế hoạch các mục tiêu nhiệm vụ đề ra của kế hoạch năm 2014.

2. Những thành quả nổi bật đã đạt được:

a) Nhiệt điện:

- Hoàn thành DADT Nhiệt điện Duyên Hải 3 MR. Hiệu chỉnh dự án đã đệ trình lên các cấp thẩm quyền thẩm tra, Bộ Công Thương đã thẩm tra TKCS và EVN phê duyệt, phối hợp tốt với Chủ đầu tư để lựa chọn nhà thầu EPC.

- Hoàn thành DADT Nghi Sơn 2 đệ trình tổ hợp nhà đầu tư BOT Marubeni/KEPCO để trình lên các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Hoàn thành dự án đầu tư NMD BOT Long Phú 2 để chủ đầu BOT TATA đệ trình Bộ Công Thương phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Hoàn thành công tác tư vấn lập báo cáo cung cấp than, phương án vận chuyển than, hồ sơ mời thầu cung cấp than, hồ sơ mời thầu vận chuyển than cho Nhà máy điện Duyên Hải 3. Phối hợp ban QLDA tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp than, hiện tại TVĐ3 và Ban ANĐ3 đang đàm phán hợp đồng với các nhà cung cấp than. Đây là sản phẩm dịch vụ mới mà TVĐ3 cung cấp cho Khách hàng. Trên cơ sở sản phẩm mới này, TVĐ3 sẽ có năng lực và kinh nghiệm để chào hàng và phát triển cho những hợp đồng mới.
- Hỗ trợ Chủ đầu tư thương thảo và ký hợp đồng với nhà thầu EPC dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 ngày 23/12/2013. Dự án đã khởi công dự án vào ngày 09/03/2014. Công ty cùng với TVPNN là Tractebel Engineering đã triển khai công tác tư vấn giám sát và phê duyệt thiết kế của Nhà thầu tại công trường NĐ Vĩnh Tân 4.
- Tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh công tác tư vấn giám sát và phê duyệt thiết kế của nhà thầu EPC dự án nhiệt điện Duyên Hải 3 - khởi công vào tháng 12/2012. Triển khai lập thiết kế kỹ thuật và hiệu chỉnh dự án đầu tư trình Chủ đầu tư xem xét phê duyệt.
- Nhà máy điện Nghi Sơn 1: năm 2014, PECC3 đã cùng với các tư vấn nước ngoài J-Power Nhật Bản, Colenco Thụy Sĩ, giúp EVN giám sát và quản lý dự án gói thầu EPC nhà máy chính đưa vào vận hành 2 tổ máy của NĐ Nghi Sơn 1, giám sát việc thí nghiệm hiệu chỉnh và khắc phục những khiếm khuyết để đưa dự án vào vận hành ổn định.
- Hoàn thành khảo sát địa chất khoan biển dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận 1 giai đoạn 2, hiện đang phối hợp các bên để nghiệm thu công tác khảo sát kỹ thuật.
- Cơ sở hạ tầng TTĐL Duyên Hải, Công ty đã và đang phối hợp chặt chẽ với các Chủ đầu tư, Ban quản lý và nhà thầu thi công phê duyệt một khối lượng lớn các BVTC, thực hiện giám sát thi công, đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng thi công các công trình này.
- Nhà máy điện Nghi Sơn 1: đang trong giai đoạn bảo hành.
- Nhà máy điện Lee & Man công tác bổ sung quy hoạch (đã được phê duyệt vào tháng 02/2015) và đang thực hiện lập thiết kế cơ sở.
- Công ty đang xúc tiến tìm kiếm và liên hệ với các Chủ đầu tư các dự án điện tại Việt Nam để bày tỏ sự quan tâm, gửi bản chào và đàm phán các hợp đồng đối với các dự án nhiệt điện.

b) Thủy điện:

- Thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát thi công dự án thủy điện Đồng Nai 5 150MW do Tổng công ty Điện lực TKV làm chủ đầu tư.
- Triển khai và hoàn thiện bộ máy tư vấn giám sát tại công trường thủy điện Xekaman 1 từ tháng 06/2013 đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư – dự kiến thời gian thực hiện hoàn thành đến 2016.
- Dự án thủy điện Sông Bung 2 đang thiết kế bản vẽ thi công để triển khai theo tiến độ. Thực hiện công tác giám sát tác giả và xử lý các vướng mắc trong quá trình thi công tại hiện trường.

- Công trình thủy điện Sông Giang 2 - 37MW: Công ty đã cơ bản hoàn thành TKBVTC-DT cho toàn bộ công trình và thực hiện tốt công tác giám sát tác giả. Hiện công ty đang xúc tiến công tác quyết toán hợp đồng với Chủ đầu tư.
 - Lập phương án và đánh giá các phương án triển khai cho dự án Thủy điện Thượng Kon Tum.
 - Tiếp tục hỗ trợ các Chủ đầu tư hoàn thiện công tác quyết toán các công trình thủy điện Bản Chát, Đồng Nai 3 và Đồng Nai 4 đã được đóng điện vận hành an toàn ổn định.
 - Liên hệ và đàm phán ký kết hợp đồng TVGS thi công xây dựng thủy điện Bắc Mê – Hà Giang, triển khai công việc TVGS tại công trường trong tháng 02/2015.
 - Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: quan trắc chuyên dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện ...
- c) Về lưới điện:
- Hoàn thành DADT Đường dây 500KV Sông Hậu – Đức Hòa trong quý III – 2014.
 - Hoàn thành thiết kế kỹ thuật trạm biến áp 500KV Đức Hòa và các đường dây đầu nối trong năm 2014.
 - Hoàn thành và bàn giao dự án đầu tư Trạm 500KV Mỹ Phước tại vị trí ở huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, đệ trình khách hàng tháng 12/2014.
 - Hoàn thành và giải trình thiết kế kỹ thuật đường dây 500KV Sông Mây – Tân Uyên và trạm biến áp 500KV Tân Uyên vào tháng 11/2014.
 - Hoàn thành bản vẽ thi công đường dây 500KV Quảng Ninh – Hiệp Hòa, Bắc Ninh 2 – Phố Nối.
 - Hoàn thành và được phê duyệt TKBVTC-TDT dự án Mở rộng ngăn lộ đường dây tại trạm 500kV Quảng Ninh và trạm 500kV Hiệp Hòa.
 - Hoàn thành và được phê duyệt TKKT-TDT dự án Đường dây 220kV TĐ Đồng Nai 5- Đắc Nông và mở rộng ngăn lộ 220kV tại TBA 500kV Đắc Nông.
 - Hoàn thành và được phê duyệt DADT dự án Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các trạm biến áp 500kV, 220kV khu vực miền Trung.
 - Hoàn thành và được phê duyệt DADT dự án Nâng công suất TBA 500kV Ô Môn.
 - Hoàn thành và được phê duyệt DADT, TKBVTC-TDT các dự án Lắp máy biến áp thứ 2 trạm biến áp 220kV Thuận An; NCS TBA 220kV Bến Tre; NCS TBA 220kV Châu Đốc.
 - Hoàn thành và bàn giao DADT cho Khách hàng dự án TBA 220kV Bến Cát.
 - Hoàn thành và bàn giao DADT cho Khách hàng các dự án Lắp M2 TBA 220kV Trà Vinh và Lắp M2 TBA 220kV Uyên Hưng (NPT đã trình EVN phê duyệt DADT trong tháng 12/2014).
 - Hoàn thành công tác thẩm tra TKKT các dự án: TBA 500kV Tây Hà Nội; Đz 500kV Vĩnh Tân-rẽ Sông Mây-Tân Uyên; Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các trạm biến áp 500kV, 220kV khu vực miền Nam; TBA 220kV Bắc Ninh 3 và đầu nối; TBA 220kV KCN Hải Hà; Đz 220kV Hải Hà – Cẩm Phả; Đz 220kV Quảng Ngãi – Quy Nhơn; Cải tạo nâng cấp Đz 220kV Phú Lâm-Cai Lậy 2; Đz 220kV Chèm-Tây Hồ; TBA 220kV Tây Hồ...
 - Hoàn thành công tác Giám sát thi công dự án Thay MBA 500kV AT, AT2 tại TBA 500kV Phú Lâm.

d) Dự án Năng lượng tái tạo:

- Phối hợp với tư vấn Fitchner hoàn thành công tác đánh giá hồ sơ chào thầu của các nhà thầu EPC dự án điện gió Phú Lạc– Giai đoạn 1. .
- Hoàn thành đề án Quy hoạch phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Côn Đảo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến năm 2020, xét đến 2030 (UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu họp thẩm định đề án ngày 18/11/2014).
- Hoàn thành quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Bạc Liêu.
- Hoàn thành công tác khảo sát lập dự án đầu tư điện gió Mũi Dinh – Ninh Thuận.
- Hoàn thành và bàn giao cho Khách hàng Báo cáo đầu tư và hiệu chỉnh bổ sung quy hoạch tỉnh Bến Tre dự án NMD gió Thanh Phong tỉnh Bến Tre.
- Hoàn thành và bàn giao cho Khách hàng Báo cáo đầu tư dự án Nhà máy điện gió Landville Energy Ninh Thuận Việt Nam.
- Hoàn thành và bàn giao cho Khách hàng Báo cáo đầu tư dự án Nhà máy điện gió Miền Đông, tỉnh Bình Thuận.
- Hoàn thành công tác thẩm tra TKKT-TKBVTC-TDT dự án Nhà máy điện gió Bạc Liêu-Giai đoạn 2.
- Hoàn thành công tác Tư vấn trong nước cho hợp tác nghiên cứu điện gió giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Hiệp hội đồng quốc tế khu vực Đông Nam Á.
- Hoàn thành phương án đấu nối và bổ sung quy hoạch NMD Gió Cầu Đất – Đà Lạt.
- Khảo sát lựa chọn địa điểm, giám sát lắp đặt thiết bị, thu thập số liệu 2 cột đo gió 80m Đà Loan.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động tăng chủ yếu là tài sản bằng tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn. Tiền, tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn tăng do được khách hàng thanh toán cuối năm. Ngoài ra hàng tồn kho cũng tăng là chi phí dở dang của các dự án mới.

b) Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả cuối năm tăng 18% số với đầu năm do các khoản khách hàng ứng trước và khoản phải trả người lao động tăng trong năm 2014.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Dự án “cải tiến hệ thống quản lý và xây dựng hệ thống lương của Công ty” đang được duy trì với mục tiêu sử dụng hiệu quả lao động và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao.

a) Kiện toàn tổ chức Xí nghiệp Khảo sát để sản xuất kinh doanh của toàn công ty được hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng tư vấn và phát triển thương hiệu.

b) Công ty đã xây dựng chiến lược trong ngắn và trung hạn:

* Các mục tiêu chiến lược 2013 – 2017:

- Tăng trưởng doanh thu hợp lý: bình quân đầu người tăng từ 15% đến 25% mỗi năm.
- Tăng trưởng lợi nhuận: tăng dần từ 7% lên 10%.
- Thực hiện được dịch vụ cho khách hàng đa dạng.
 - + Tỷ trọng dịch vụ cho khách hàng ngoài ngành năng lượng tăng dần lên 20%.
 - + Độ nhận biết của khách hàng về dịch vụ PECC3.

- Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.
 - Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả.
 - + Phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng.
 - + Quản lý dự án.
 - + Quản lý tri thức & phát triển năng lực đội ngũ.
- c) Sắp xếp tinh gọn bộ máy quản lý cho phù hợp:
- Thành lập mới: Trung tâm nhiệt điện và điện hạt nhân trên cơ sở sáp nhập Phòng nhiệt điện - điện hạt nhân và Phòng Quản lý dự án vào tháng 08/2014.
 - Kiện toàn bộ máy và nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân.
- d) Xây dựng quy chế trả lương theo phương pháp 3P (năng lực, vị trí, hiệu quả công việc). Theo đó cơ chế lao động tiền lương gắn liền với kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, thực sự khuyến khích nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, Người lao động được hưởng theo vị trí, năng lực và hiệu quả làm việc.
- e) Thiết lập thẻ điểm cân bằng BSC và hệ thống mục tiêu năm của Công ty, các đơn vị.
- f) Ban hành và áp dụng các Quy chế, Quy định mới, cụ thể:
- ✓ Sổ tay chất lượng
 - ✓ Quy chế lương
 - ✓ Quy chế đánh giá hiệu quả công việc
 - ✓ Quy chế thi đua khen thưởng
 - ✓ Quy chế bảo mật thông tin
 - ✓ Quy chế hoạt động mạng lưới an toàn vệ sinh viên
 - ✓ Quy định công tác lưu trữ
 - ✓ Quy định chi tiêu nội bộ
 - ✓ Quy trình quản lý hệ thống máy tính và các thiết bị tin học
 - ✓ Quy trình thẩm tra hồ sơ TKBVTC (công trình thủy điện)
 - ✓ Quy trình khảo sát
 - ✓ Quy trình thí nghiệm
 - ✓ Quy trình nghiệm thu công tác gia công chế tạo thiết bị cơ khí thủy công công trình thủy điện Đồng Nai 5

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh về sản phẩm truyền thống của công ty là dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế các dự án điện.
- Tăng cường các mối quan hệ với các Sở Công thương các tỉnh để ký hợp đồng thực hiện công tác tư vấn quy hoạch phát triển điện lực huyện.
- Thực hiện tốt các sản phẩm tư vấn nguồn điện với khách hàng lớn là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, các Tổng Công ty Phát Điện.
- Phối hợp với các đơn vị xây lắp và cung cấp thiết bị để thực hiện các dự án EPC trong nước cũng như các nước trong khu vực. Trang bị kỹ năng Quản lý dự án để có thể tham gia các công trình điện theo hình thức EPC.
- Phát triển thành công sản phẩm là dịch vụ tư vấn mua và vận chuyển nhiên liệu than cho nhà máy nhiệt điện
- Thực hiện đa dạng loại dịch vụ cung cấp cho đa dạng khách hàng, tỷ trọng khách hàng ngoài ngành năng lượng tăng dần lên, tăng độ nhận biết của khách hàng về

dịch vụ của TVĐ3. Mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào và Campuchia.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn thiết kế. Đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ kỹ sư. Công ty đã được công nhận 22 kỹ sư tiêu chuẩn ASIAN và sẽ đăng ký thêm 5 kỹ sư tiêu chuẩn ASIAN.
- Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả: phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức và phát triển năng lực đội ngũ.
- Doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng hợp lý.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có giải trình (Công ty kiểm toán chấp nhận toàn phần)

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014 là năm hoạt động thứ 7 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

a- Thuận lợi:

- Năm 2014 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2013, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành vượt mức KH 2014.

b- Khó khăn:

- Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLD trong công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm việc làm đồng thời phấn đấu vượt qua mọi thử thách để thực hiện thành công KHSX và KHTC đã được ĐHQĐ năm 2014 thông qua.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của mọi thành công của Công ty trong năm 2014.
- b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng. Kết quả doanh thu năm 2014 là: 213.286 triệu đồng đạt 116,02 % kế hoạch, lợi nhuận sau thuế là :12.770 triệu đồng đạt 102,33% kế hoạch.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2015, với các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2015.

b) Các hoạt động khác:

- HĐQT chỉ đạo Công ty xin thuê quyền sử dụng đất tại Bình Thuận, trước mắt xây dựng nhà nghỉ và làm việc cho các kỹ sư và chuyên gia giám sát xây dựng tại Trung tâm nhiệt điện Vĩnh Tân.
- Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu đại diện
1	Thái Tuấn Tài	CT. HĐQT	8.855	683.300 (20,21% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
2	Nguyễn Phú Gia	UV. HĐQT	6.679	0
3	Phạm Văn Thuận	UV. HĐQT	1.450	482.806 (14,28% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
4	Lê Văn Thu	UV. HĐQT	9.775	422.139

				(12,48% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tổng công ty điện lực TP.HCM
5	Tôn Thất Hùng	UV. HĐQT	8.813	482.806 (14,28% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.
- d) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc
Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị và Giám đốc các Chi nhánh.
- e) Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	04	100%	
3	Ông Lê Văn Thu	Ủy viên HĐQT	03	75%	Vắng mặt cuộc họp quý I. Đi công tác
4	Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	04	100%	
5	Phạm Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	03	75%	Vắng mặt cuộc họp quý II. Đi công tác

- f) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0005 /NQ-HĐQT	03/ 01/2014	- Thông qua kế hoạch SXKD, đơn giá tiền lương năm 2014.

2	0066/NQ-HĐQT	10/04/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua quyết toán tiền lương năm 2013. - Tái bổ nhiệm ông Trần Lê Minh giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty và ông Huỳnh Nguyễn Anh Tuấn giữ chức Giám đốc Chi nhánh miền Trung. - Thông qua kế hoạch và các nội dung của ĐHCĐ thường niên năm 2014
3	0098/NQ-HĐQT	06/05/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tiếp tục đề cử ông Tôn Thất Hùng tham gia HĐQT và ông Phạm Hoàng Vinh tham gia BKS Công ty cổ phần phong điện Thuận Bình
4	0115/NQ-HĐQT	23/06/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn Công ty TNHH dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) là đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2014.
5	0141/NQ-HĐQT	24/07/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thành lập Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân - Thông qua việc điều chỉnh một số điều trong Quy chế lương
6	0175/NQ-HĐQT	24/10/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tỷ lệ khuyến khích thưởng/phạt đối với các Chi nhánh.
7	0202/NQ-HĐQT	23/12/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn phó Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân giữ chức Giám đốc Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân

- g) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- h) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị
- i) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
 - Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (so với vốn điều lệ)
1	Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng BKS	0	0
2	Trương Thị Anh Đào	Thành viên BKS	1.127	0,033%
3	Phạm Duy Hải	Thành viên BKS	3.450	0,102%

b) Hoạt động Ban kiểm soát

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 11-04-2014.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2014.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2014 và báo cáo tài chính cả 2014.
- Ban Kiểm soát TV3 đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát kèm theo quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 30/09/2014.
- Triển khai thực hiện các 02 đợt kiểm soát :
 - + Đợt 1: Ban Kiểm soát TV3 đã thực hiện 1 đợt kiểm soát năm 2013 trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nội dung kiểm soát bao gồm :
 - (1) Tình hình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông ;
 - (2) Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư tài chính năm 2013 của Công ty ;
 - (3) Thẩm định Báo cáo tài chính và công tác tài chính kế toán năm 2013.
 - + Đợt 2: Ban Kiểm soát TV3 đã thực hiện đợt kiểm soát lần 2/2014 từ ngày 15 đến 17/9/2014 tại Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát – Chi nhánh của TV3. Nội dung kiểm soát bao gồm :
 - (1) Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 ;
 - (2) Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2014 ;
 - (3) Các nội dung khác như: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ; Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,...các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.

b) Các biên bản của Ban Kiểm soát

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	19/03/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2013. - Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2013. - Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2013. - Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả năm 2013; Thu nhập của HĐQT và BKS năm 2013; Tình hình ĐTXD và sửa chữa lớn; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ, Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị, Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 21/8/2013,...
2	Biên bản làm việc giữa BKS và Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát - Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	17/9/2014	<ul style="list-style-type: none"> em xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014. em xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2014. ác nội dung khác như: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ; Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,...các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát phát sinh tại Công ty như sau:

❖ Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: 624.000.000 đồng
- Ông Tôn Thất Hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 476.686.726 đồng
- Ông Phạm Văn Thuận – UV HĐQT: 63.333.000 đồng
- Ông Lê Văn Thu – UV HĐQT: 65.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 65.000.000 đồng

❖ Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 419.419.361 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 567.185.567 đồng

❖ Ban Kiểm soát:

- Bà Nguyễn Minh Hiếu – Trưởng Ban kiểm soát: 56.250.000 đồng
 - Bà Trương Thị Anh Đào – Thành viên kiêm nhiệm: 205.006.847 đồng
 - Ông Phạm Duy Hải – Thành viên kiêm nhiệm: 182.000.056 đồng
- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2014 không có giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2014 không có hợp đồng giao dịch với các cổ đông nội bộ
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về các quy định về quản trị công ty.
- e) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm 2014 không có giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ
- f) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2014 không có hợp đồng giao dịch với các cổ đông nội bộ
- g) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính»

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		191.252.340.025	167.581.747.963
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	89.551.261.006	54.815.444.779
111	1. Tiền		17.115.001.839	42.950.536.896
112	2. Các khoản tương đương tiền		72.436.259.167	11.864.907.883
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	14.000.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.398.587.827	84.975.824.373
131	1. Phải thu của khách hàng		46.903.840.673	77.014.076.277
132	2. Trả trước cho người bán		14.714.500.870	14.724.708.915
135	5. Các khoản phải thu khác	5	513.825.611	326.979.050
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.733.579.327)	(7.089.939.869)

140	IV.	Hàng tồn kho	6	29.579.750.767	20.809.285.499
141	1.	Hàng tồn kho		29.579.750.767	20.809.285.499
150	V.	Tài sản ngắn hạn khác		2.722.740.425	6.981.193.312
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn		257.436.349	-
154	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	39.865.721	160.326.302
158	5.	Tài sản ngắn hạn khác	8	2.425.438.355	6.820.867.010
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		36.213.681.732	29.924.962.005
220	II.	Tài sản cố định		25.423.236.707	21.943.105.591
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	9	13.331.414.774	9.192.891.019
222	-	Nguyên giá		36.733.878.334	33.299.861.804
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(23.402.463.560)	(24.106.970.785)
227	3.	Tài sản cố định vô hình	10	11.780.631.653	12.040.107.435
228	-	Nguyên giá		14.535.328.682	14.352.403.711
229	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.754.697.029)	(2.312.296.276)
230	4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	311.190.280	710.107.137
250	IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	7.570.790.000	5.770.790.000
258	3.	Đầu tư dài hạn khác		7.570.790.000	5.770.790.000
260	V.	Tài sản dài hạn khác		3.219.655.025	2.211.066.414
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	13	3.066.655.025	2.058.066.414
268	3.	Tài sản dài hạn khác		153.000.000	153.000.000
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>227.466.021.757</u>	<u>197.506.709.968</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A.	NỢ PHẢI TRẢ	153.584.570.663	130.054.258.986
310	I.	Nợ ngắn hạn	153.584.570.663	130.054.258.986
311	1.	Vay và nợ ngắn hạn	14	-
312	2.	Phải trả người bán	3.381.842.028	2.769.756.325
313	3.	Người mua trả tiền trước	71.330.394.441	45.751.363.925
314	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.207.467.248
315	5.	Phải trả người lao động	61.596.481.042	46.447.482.586
316	6.	Chi phí phải trả	16	3.030.839.948
319	9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	7.745.582.849
323	11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	291.963.107	1.307.141.967
400	B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	73.881.451.094	67.452.450.982
410	I.	Vốn chủ sở hữu	18	73.881.451.094
411	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.810.000.000	33.810.000.000

412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	45.000.000	45.000.000
414	4.	Cổ phiếu quỹ	(140.000)	(140.000)
417	7.	Quỹ đầu tư phát triển	20.940.440.558	17.267.005.929
418	8.	Quỹ dự phòng tài chính	5.979.059.240	4.866.059.240
420	10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.107.091.296	11.464.525.813
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	<u>227.466.021.757</u>	<u>197.506.709.968</u>

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.505.631.432	178.105.197.456
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	213.505.631.432	178.105.197.456
11	4.	Giá vốn hàng bán	157.181.356.839	137.237.037.324
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.324.274.593	40.868.160.132
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.173.313.676	1.248.369.669
22	7.	Chi phí tài chính	14.518.308	190.619.547
23		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>9.750.000</i>	<i>105.950.460</i>
24	8.	Chi phí bán hàng	7.778.736.555	-
25	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.058.916.573	28.550.005.126
30	10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.645.416.833	13.375.905.128
31	11.	Thu nhập khác	903.912.041	4.174.465.471
32	12.	Chi phí khác	1.165.581.071	2.262.189.505
40	13.	Lợi nhuận khác	(261.669.030)	1.912.275.966
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.383.747.803	15.288.181.094
51	15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.613.268.691	4.348.582.450
60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>12.770.479.112</u>	<u>10.939.598.644</u>
70	18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.777	3.236

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.383.747.803	15.288.181.094
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.268.919.634	1.869.864.899
03	- Các khoản dự phòng		(356.360.542)	468.515.768
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(157.947.526)	76.110.924
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.278.430.084)	(975.764.306)
06	- Chi phí lãi vay		9.750.000	105.950.460
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.869.679.285	16.832.858.839
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		34.510.148.791	19.733.625.037
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(8.770.465.268)	2.405.664.586
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		29.108.790.191	11.453.941.356
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.266.024.960)	(361.497.894)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(9.750.000)	(105.950.460)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.427.525.276)	(4.395.086.312)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	2.100.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.324.892.152)	(2.068.875.728)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.689.960.611	43.496.779.424
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.749.050.750)	(1.369.985.493)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		430.200.000	130.642.314
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.000.000.000)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.800.000.000)	(1.100.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		826.676.709	1.111.255.869
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.292.174.041)	(1.228.087.310)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(300.000.000)	(2.988.826.179)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.520.522.069)	(8.269.074.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.820.522.069)	(11.257.901.079)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		34.577.264.501	31.010.791.035
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		54.815.444.779	23.885.713.980
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		158.551.726	(81.060.236)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	89.551.261.006	54.815.444.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 16/11/2012.

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 33.810.000.000 đồng; tương đương 3.381.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động KD chính
- Chi nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Tư vấn, khảo sát thiết kế
- Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát thiết kế

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện - nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ

sông);

- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;
- Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.1 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.2 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.3 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

2.4 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc

hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình, dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.4 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	09 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	35 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu

2 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng

được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. (Tuy nhiên, số

lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan.)

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tính thuế.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	20.424.972	10.969.260
Tiền gửi ngân hàng	17.094.576.867	42.939.567.636
Các khoản tương đương tiền (1)	72.436.259.167	11.864.907.883
	<u>89.551.261.006</u>	<u>54.815.444.779</u>

- (1) Tại ngày 31/12/2014, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn có lãi suất từ 4,3% - 5,3%/năm đối với các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, 0,25%/năm đối với khoản tiền gửi bằng Đồng Đô la Mỹ và 0,8% - 1,2%/năm đối với các khoản tiền gửi bằng Đồng Euro.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 5,3%/năm.	14.000.000.000	-
	<u>14.000.000.000</u>	<u>-</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	364.416.134	210.105.007
Phải thu về bảo hiểm y tế	38.511.594	18.534.942
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	60.662.467	-
Phải thu thuế TNCN của CBCNV	-	55.155.573
Phải thu khác	50.235.416	43.183.528
	<u>513.825.611</u>	<u>326.979.050</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	136.326.858	151.227.395
Công cụ, dụng cụ	1.273.197	1.786.197
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.442.150.712	20.656.271.907
	<u>29.579.750.767</u>	<u>20.809.285.499</u>

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	39.865.721	160.326.302
	<u>39.865.721</u>	<u>160.326.302</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.425.438.355	6.820.867.010
	<u>2.425.438.355</u>	<u>6.820.867.010</u>

9.TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.737.893.922	9.827.733.858	13.048.924.015	2.685.309.919	33.299.861.804
Số tăng trong năm	2.334.051.818	284.740.000	2.744.813.000	601.437.818	5.965.042.636
- Mua trong năm	-	284.740.000	2.744.813.000	601.437.818	3.630.990.818
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.334.051.818	-	-	-	2.334.051.818
Số giảm trong năm	-	(776.913.709)	(1.663.202.299)	(90.910.098)	(2.531.026.106)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(776.913.709)	(1.663.202.299)	(90.910.098)	(2.531.026.106)
Số dư cuối năm	10.071.945.740	9.335.560.149	14.130.534.806	3.195.837.639	36.733.878.334
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.738.276.970	7.920.103.811	11.122.921.972	2.325.668.032	24.106.970.785
Số tăng trong năm	516.146.316	506.002.701	504.231.523	300.138.341	1.826.518.881
- Khấu hao trong năm	516.146.316	506.002.701	504.231.523	300.138.341	1.826.518.881
Số giảm trong năm	-	(776.913.709)	(1.663.202.299)	(90.910.098)	(2.531.026.106)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(776.913.709)	(1.663.202.299)	(90.910.098)	(2.531.026.106)
Số dư cuối năm	3.254.423.286	7.649.192.803	9.963.951.196	2.534.896.275	23.402.463.560
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4.999.616.952	1.907.630.047	1.926.002.133	359.641.887	9.192.891.019
Tại ngày cuối năm	6.817.522.454	1.686.367.346	4.166.583.610	660.941.364	13.331.414.774

Trong đó:

-Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.498.249.099 VND

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.928.525.992	2.423.877.719	14.352.403.711
Số tăng trong năm	-	182.924.971	182.924.971
- Mua trong năm	-	182.924.971	182.924.971
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	11.928.525.992	2.606.802.690	14.535.328.682
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	625.446.321	1.686.849.955	2.312.296.276
Số tăng trong năm	97.061.604	345.339.149	442.400.753
- Khấu hao trong năm	97.061.604	345.339.149	442.400.753
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	722.507.925	2.032.189.104	2.754.697.029
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	11.303.079.671	737.027.764	12.040.107.435
Tại ngày cuối năm	11.206.018.067	574.613.586	11.780.631.653

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà điều hành sản xuất Xí nghiệp khảo sát ở Quận 2	311.190.280	311.190.280
- Công trình lán trại phục vụ giám sát nhà máy điện Duyên hải 3	-	398.916.857
	311.190.280	710.107.137

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư dài hạn khác		
Góp vốn Công ty Cổ phần EVN Quốc tế ⁽¹⁾	3.150.000.000	3.150.000.000
Góp vốn Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình ⁽²⁾	4.200.000.000	2.400.000.000
43.600 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	220.790.000	220.790.000
	7.570.790.000	5.770.790.000

(1) Khoản góp vốn vào công ty Cổ phần EVN Quốc tế với tỷ lệ góp 0,86% vốn điều lệ

(2) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình có vốn điều lệ 240 tỷ đồng, Công ty sẽ góp 10% vốn điều lệ. Vốn góp vào Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình được góp theo từng đợt, đến thời điểm 31/12/2014 Công ty đã góp 4,2 tỷ đồng trong tổng số 42 tỷ đồng số vốn các bên đã góp tương đương 10%.

Hiện tại Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình đang trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản chưa đi vào hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Số dư đầu năm	2.058.066.414	1.696.568.520
Số tăng trong năm	3.028.371.949	2.449.203.280
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(1.876.041.422)	(2.034.552.737)
Giảm khác	(143.741.916)	(53.152.649)
Số dư cuối năm	<u>3.066.655.025</u>	<u>2.058.066.414</u>
số dư, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp	384.300.926	697.809.576
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.235.172.849	1.357.964.133
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	-	578.787
Chi phí mua phần mềm máy tính chờ phân bổ	447.181.250	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	1.713.918
	<u>3.066.655.025</u>	<u>2.058.066.414</u>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.519.494.616	8.978.701.120
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.557.293.253	3.371.549.838
Thuế Thu nhập cá nhân	130.679.379	51.183.082
	<u>6.207.467.248</u>	<u>12.401.434.040</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí các dự án, công trình	2.718.649.039	8.161.952.343
Trích trước chi phí thuê kho	30.000.000	-
Trích trước chi phí mua máy tính bảng	147.190.909	-
Trích trước chi phí khác	135.000.000	79.200.000
	3.030.839.948	8.241.152.343

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.309.302.156	2.347.728.358
Bảo hiểm y tế	-	14.887.047
Bảo hiểm thất nghiệp	38.785.509	59.723.844
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.362.466.031	3.811.509.100
Lương, chi phí khoán công trình phải trả	-	1.752.979.510
Phải trả về thuế TNCN cho CBCNV	2.548.744.988	3.348.898.987
Phải trả CBCNV về tiền lương đã quyết toán	966.954.500	744.938.120
Phải trả CBCNV về hoàn tạm ứng chi phí	221.470.142	332.374.028
Phải trả đội khảo sát cũ	-	336.479.806
Phải trả về quy hoạch cho Trung tâm Điện lực Quảng Trị	87.923.979	-
Phải trả, phải nộp khác	209.935.544	86.409.000
	7.745.582.849	12.835.927.800

17.VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	13.043.345.835	3.704.059.240	12.144.066.263	62.746.331.338
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	10.939.598.644	10.939.598.644
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.223.660.094	1.162.000.000	(6.547.660.094)	(1.162.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(5.071.479.000)	(5.071.479.000)
Số dư cuối năm trước	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	17.267.005.929	4.866.059.240	11.464.525.813	67.452.450.982
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	12.770.479.112	12.770.479.112
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.673.434.629	1.113.000.000	(4.786.434.629)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(5.071.479.000)	(5.071.479.000)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi, khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(1.270.000.000)	(1.270.000.000)
Số dư cuối năm nay	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	20.940.440.558	5.979.059.240	13.107.091.296	73.881.451.094

Theo Nghị quyết số 78/NQ-TVĐ3 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 11/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00%	11.127.913.629
Trích Quỹ đầu tư phát triển	33,01%	3.673.434.629
Trích Quỹ dự phòng tài chính	10,00%	1.113.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành	11,41%	1.270.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	45,57%	5.071.479.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Tập đoàn điện lực Việt Nam	16.491.570.000	48,7772%	16.491.570.000	48,7772%
Vốn góp của Tổng Công ty Điện lực Tp HCM	4.221.390.000	12,4856%	4.221.390.000	12,4856%
Vốn góp của đối tượng khác	13.096.900.000	38,7368%	13.096.900.000	38,7368%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,0004%	140.000	0,0004%
	33.810.000.000	100%	33.810.000.000	100%

c) **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.810.000.000	33.810.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	33.810.000.000	33.810.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	33.810.000.000	33.810.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.071.479.000	5.071.479.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.071.479.000	5.071.479.000

d/ **Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.381.000	3.381.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.381.000	3.381.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14	14
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.380.986	3.380.986
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.380.986	3.380.986

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e/ **Các quỹ công ty**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	20.940.440.558	17.267.005.929
Quỹ dự phòng tài chính	5.979.059.240	4.866.059.240
	26.919.499.798	22.133.065.169

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị

18. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuận cung cấp dịch vụ	213.505.631.432	178.105.197.456
	213.505.631.432	178.105.197.456

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	157.181.356.839	137.237.037.032

157.181.356.839137.237.037.324**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	874.259.176	1.089.455.869
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.080.000	21.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	128.026.974	137.113.800
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	157.947.526	-
	1.173.313.676	1.248.369.669

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	9.750.000	105.950.460
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.768.308	8.558.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	76.110.924
	14.518.308	190.619.547

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	391.090.908	130.642.314
Thu nhập từ thanh lý CCDC	89.033.634	-
Thu nhập từ công nợ không phải trả	423.161.236	-
Thu nhập khác	626.263	4.043.823.157
	903.912.041	4.174.465.471

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	4.849.249
Chi phí các công trình không ký hợp đồng và CP sau nghiệm thu	976.241.829	1.810.561.017
Chi phí từ công nợ không thu được xử lý	67.000.000	-
Chi phí phạt chậm nộp thuế	107.339.242	-
Chi phí khác	15.000.000	446.779.239
	1.165.581.071	2.262.189.505

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.383.747.803	15.288.181.094
Các khoản điều chỉnh tăng	287.339.242	970.339.404
- Thù lao HDQT	165.000.000	-
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	76.110.924

- Các khoản chi phí không được khấu trừ	122.339.242	894.228.480
Các khoản điều chỉnh giảm	(247.138.450)	(2.033.235.255)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá năm trước đã thực hiện	(76.110.924)	-
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	(157.947.526)	-
- Các khoản lợi nhuận không chịu thuế	(13.080.000)	(2.033.235.255)
Tổng lợi nhuận tính thuế	16.423.948.595	14.225.285.243
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.613.268.691	3.556.321.311
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản của KTNN và quyết toán thuế của Cục thuế Tp. Hồ Chí Minh	-	792.261.139
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.613.268.691	4.348.582.450
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.371.549.838	3.418.053.700
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.427.525.276)	(4.395.086.312)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	1.557.293.253	3.371.549.838

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	12.770.479.112	10.939.598.644
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.770.479.112	10.939.598.644
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.380.986	3.380.986
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.777	3.236

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.327.913.296	1.986.971.273
Chi phí nhân công	108.500.607.964	103.700.939.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.268.919.634	1.869.864.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.319.056.688	47.218.186.756
Chi phí khác bằng tiền	29.028.944.935	7.277.555.299
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	207.445.442.517	162.053.517.899

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	89.551.261.006	-	54.815.444.779	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.417.666.284	(6.733.579.327)	77.341.055.327	(7.089.939.869)
Các khoản cho vay	14.000.000.000		-	
Đầu tư dài hạn	7.570.790.000	-	5.770.790.000	-
	158.539.717.290	(6.733.579.327)	137.927.290.106	(7.089.939.869)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	300.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	11.127.424.877	15.605.684.125
Chi phí phải trả	3.030.839.948	8.241.152.343
	14.158.264.825	24.146.836.468

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và tương đương tiền	89.551.261.006	-	-	89.551.261.006
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.684.086.957	-	-	40.684.086.957
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	7.570.790.000	-	7.570.790.000
	144.235.347.963	7.570.790.000	-	151.806.137.963
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và tương đương tiền	54.815.444.779	-	-	54.815.444.779
Phải thu khách hàng, phải thu khác	70.251.115.458	-	-	70.251.115.458
Đầu tư dài hạn	-	5.770.790.000	-	5.770.790.000
	125.066.560.237	5.770.790.000	-	130.837.350.237

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	11.127.424.877	-	-	11.127.424.877
Chi phí phải trả	3.030.839.948	-	-	3.030.839.948
	14.158.264.825	-	-	14.158.264.825
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	300.000.000	-	-	300.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	15.605.684.125	-	-	15.605.684.125
Chi phí phải trả	8.241.152.343	-	-	8.241.152.343
	24.146.836.468	-	-	24.146.836.468

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động chính của Công ty là tư vấn khảo sát, tư vấn thiết kế điện và toàn bộ hoạt động của Công ty trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm</u>
2013			
		VND	
VND			
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
Ban QLDA Thủy điện 6	Cùng tập đoàn	-	11.586.753.766
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mìn	Cùng tập đoàn	2.574.689.374	5.471.086.607
Ban QLDA Nhiệt điện 2	Cùng tập đoàn	-	293.760.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Cùng tập đoàn	16.074.899.177	10.939.391.027
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cùng tập đoàn	3.530.700.862	3.901.027.255
Ban QLDA Lưới điện Tp. Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	1.482.447.272	4.854.426.846
Công ty Truyền tải Điện 2	Cùng tập đoàn	349.736.354	9.090.909
Công ty Truyền tải Điện 4	Cùng tập đoàn	1.598.128.696	7.177.568.574
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	Cùng tập đoàn	26.268.920.502	
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Cùng tập đoàn	2.287.168.784	2.449.768.202
Công ty CP Thủy điện Miền Nam	Cùng tập đoàn	-	
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Cùng tập đoàn	2.035.607.960	1.909.352.861
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	Cùng tập đoàn	9.640.283.819	3.723.961.091
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	Cùng tập đoàn	-	328.689.758
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	Cùng tập đoàn	-	235.422.903
CN TCT ĐL TP HCM TNHH - TT Điều độ HTĐ Tp. Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	-	253.608.737
Ban QLDA Lưới điện tỉnh Đồng Nai	Cùng tập đoàn	1.066.977.323	110.793.953
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc	Cùng tập đoàn	1.568.001.473	2.955.189.421
Ban QLDA Thủy điện 1	Cùng tập đoàn	3.930.636.603	3.233.997.400
Công ty CP Thủy điện Đại Ninh	Cùng tập đoàn	1.562.971.815	-
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	Cùng tập đoàn	9.620.297.566	1.403.454.546
Ban QLDA Điện nông thôn	Cùng tập đoàn	622.158.638	-
Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	Cùng tập đoàn	62.328.288.633	34.662.318.743
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	Cùng tập đoàn	1.334.187.595	11.223.553.712
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Phát điện 3	Cùng tập đoàn	338.426.869	1.125.568.011

Công ty Truyền tải Điện 3	Cùng tập đoàn	3.123.671.530	3.645.589.871
Công ty Thủy điện Trị An	Cùng tập đoàn	780.000.000	780.000.000
CN tổng công ty DL TP. HCM - Công ty lưới điện Cao thế TP. HCM	Cùng tập đoàn	91.946.682	534.526.365
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	Cùng tập đoàn	-	495.565.455
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	457.498.779	385.996.637
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	Cùng tập đoàn	-	1.462.112.984
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	Cùng tập đoàn	-	4.187.777.029
Công ty CP Thủy điện A Vương	Cùng tập đoàn	-	746.784.545
Công ty Mua bán điện (EPTC)	Cùng tập đoàn	-	1.914.616.930
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	Cùng tập đoàn	-	4.514.230.563
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Cùng tập đoàn	431.702.727	472.727.273
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	Cùng tập đoàn	-	196.342.549
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn	-	2.055.703.075
Ban QLDA Phát triển điện lực Hà Nội	Cùng tập đoàn	180.852.299	-
Công ty Điện lực Tân Bình	Cùng tập đoàn	52.569.906	-
Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia	Cùng tập đoàn	387.203.900	-
Công ty Truyền tải điện 1	Cùng tập đoàn	1.020.259.267	-
Trả cổ tức			
Tập đoàn điện lực Việt nam	Cổ đông lớn	2.473.735.500	2.473.735.500
Tổng Công ty Điện lực Tp HCM	Cổ đông lớn	633.208.500	633.208.500

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

		<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
			VND	VND
Phải thu tiền hàng				
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	Cùng tập đoàn		4.307.016.746	6.089.123.295
Ban QLDA Thủy điện 1	Cùng tập đoàn		1.884.044.474	1.783.145.975
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2	Cùng tập đoàn		4.576.913.574	4.425.556.524
CN TCT Truyền tải điện quốc gia - Công ty Truyền tải Điện 4	Cùng tập đoàn		1.665.145.479	3.138.704.549
Ban QLDA các Công trình điện Miền Bắc	Cùng tập đoàn		843.421.043	3.287.806.388
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cùng tập đoàn		439.070.253	890.923.117
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	Cùng tập đoàn		403.431.288	2.497.557.968
Ban QLDA Thủy điện 6	Cùng tập đoàn		2.174.994.307	8.174.994.307
Ban QLDA Nhiệt điện 2	Cùng tập đoàn		-	1.803.920.622
Công ty Truyền tải điện 2	Cùng tập đoàn		384.709.989	985.588.569
Công ty Thủy điện Trị An	Cùng tập đoàn		858.000.000	858.000.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn		70.776.666	1.345.776.666

Ban QLDA các công trình điện tỉnh Đồng Nai	Cùng tập đoàn	84.520.206	478.581.205
Ban QLDA lưới điện TP Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	1.083.307.438	2.676.605.807
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	Cùng tập đoàn	479.128.000	875.068.000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	Cùng tập đoàn	353.487.704	941.542.868
Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	50.000.000	770.421.411
Công ty CP Thủy điện Miền Nam	Cùng tập đoàn	38.522.610	1.752.624.057
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	Cùng tập đoàn	14.246.200	1.147.313.709
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	Cùng tập đoàn	-	36.155.874
Công ty CP Thủy điện A Vương	Cùng tập đoàn	-	821.463.000
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Min	Cùng tập đoàn	478.028.951	217.478.923
Trung tâm điều độ Thông tin (HCMPC)	Cùng tập đoàn	13.285.938	13.285.938
Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh	Cùng tập đoàn	-	520.000.000
Công ty Lưới điện cao thế Tp Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	-	587.979.002
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Cùng tập đoàn	2.239.168.756	1.187.477.314
Công ty CP Tư vấn xây dựng Điện 2	Cùng tập đoàn	55.950.580	507.373.636
Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	-	30.550.656
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Cùng tập đoàn	2.302.706.009	874.747.037
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Cùng tập đoàn	750.000	-
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	Cùng tập đoàn	591.036.005	-
Công ty TNHH MTV Phát điện 3	Cùng tập đoàn	164.452.237	-
Công ty Truyền tải điện 1	Cùng tập đoàn	102.025.927	-
Ban QLDA Phát triển điện lực Hà Nội	Cùng tập đoàn	198.937.529	-
Người mua ứng tiền trước			
Ban QLDA Nhiệt điện 3	Cùng tập đoàn	16.744.250.332	22.447.269.542
Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	Cùng tập đoàn	3.276.381.777	1.051.335.393
Ban QLDA lưới điện TP Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	5.876.046.960	2.008.932.026
Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	Cùng tập đoàn	3.613.643.951	1.218.821.111
Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Cùng tập đoàn	3.606.057.917	1.415.526.180
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Cùng tập đoàn	113.403.000	113.403.000
Ban QLDA lưới điện tỉnh Đồng Nai	Cùng tập đoàn	-	87.386.000
Trung tâm điều độ Thông tin (HCMPC)	Cùng tập đoàn	-	29.792.000
Điện lực Bình Dương	Cùng tập đoàn	44.597.000	44.597.000
Trung tâm Tư vấn Xây dựng điện HCMPC	Cùng tập đoàn	12.899.005	12.899.005
CN TCT Truyền tải điện quốc gia - Công ty Truyền tải Điện 4	Cùng tập đoàn	-	955.957
Công ty CP Thủy điện Miền Trung	Cùng tập đoàn	-	297.139.271
Công ty CP Thủy điện Đại Ninh	Cùng tập đoàn	-	438.150.462
Công ty CP Phong điện Thuận Bình	Cùng tập đoàn	-	562.000.000
Ban QLDA Thủy điện 1	Cùng tập đoàn	602.884.808	248.280.538
Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	Cùng tập đoàn	12.500.000	12.500.000
Ban QLDA vay vốn ADB	Cùng tập đoàn	56.734.011	56.734.011
Ban QLDA Các công trình điện Miền Bắc	Cùng tập đoàn	480.518	-
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	Cùng tập đoàn	26.984.966.527	-
Công ty truyền tải điện 3	Cùng tập đoàn	99.300.000	-

Công ty CP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Cùng tập đoàn	271.126.000	-
Công ty TNHH MTV Phát điện 3	Cùng tập đoàn	140.688.946	-
Phải trả cổ tức			
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cổ đông lớn	676.675.181	3.298.314.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
-Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	2.655.666.236	1.727.387.547

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2014 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

Tp. Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 03 năm 2015

